

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **34/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 25 - 5 - 2018.

V/v: “**Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung**”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Kim Yến**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Lê Thị Mỹ**

2. Bà Huỳnh Ngọc Thi

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Nguyên Hưng** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018 về “**Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2018/QĐXX-ST ngày 03 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Kim T**; sinh năm 1988 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Số 673/99B Lộ H, phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang .

2. Bị đơn: **Anh Trần Thanh A**; sinh năm 1983 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Số 673/99B Lộ H, phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Kim T trình bày:**

Chị T và anh Trần Thanh A tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang; đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/3/2006.

Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 02 (Hai) con chung tên Trần Ngọc T, sinh ngày 15/02/2006 và Trần Ngọc Y, sinh ngày

04/9/2011. Tuy nhiên thời gian sau này cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng dẫn đến cãi vã; chị đã dọn ra ngoài ở riêng và vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2017 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, hôn nhân không hạnh phúc nên chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A.

Về con chung: Chị T yêu cầu giao cháu T cho anh A nuôi dưỡng và giao cháu Y cho chị nuôi dưỡng; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại bản tự khai ngày 18/4/2018, bị đơn anh Trần Thanh A trình bày:**

Anh và chị Nguyễn Kim T tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q năm 2006.

Quá trình chung sống giữa vợ chồng có nhiều lúc xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nên chị T bỏ nhà đi từ ngày 15/8/2017 cho đến nay; anh đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng chị T không đồng ý. Nay chị T khởi kiện xin ly hôn, anh A xác định mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để cùng nhau nuôi dạy các con nên không đồng ý ly hôn với chị T. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn thì ý kiến của anh A như sau:

Về con chung: Anh A yêu cầu giao hai con chung là Trần Ngọc T, sinh ngày 15/02/2006 và Trần Ngọc Y, sinh ngày 04/9/2011 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng; không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại Biên bản lập ngày 29/3/2018, Tòa án ghi nhận ý kiến của cháu Trần Ngọc T (con chung giữa anh A và chị T) như sau:** Cháu T có nguyện vọng được sống cùng với anh A nếu cha mẹ cháu ly hôn.

*** Tại phiên tòa,** chị Nguyễn Kim T xác định giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh A; tuy nhiên về việc nuôi con chung, chị T thống nhất với yêu cầu của anh A, đồng ý giao hai con chung cho anh A nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con; ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Anh Trần Thanh A có đơn đề ngày 18/4/2018 xác định giữ nguyên ý kiến đã trình bày và xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Kim T khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Thanh A; địa chỉ cư trú tại: Số 673/99B Lộ H, phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" và theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Bị đơn anh Trần Thanh A có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Kim T đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt anh A.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Kim T và anh Trần Thanh A được xác lập trên cơ sở tự nguyện; có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã được UBND phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/3/2006, nên theo quy định tại Điều 9, Điều 11 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Kim T, Hội đồng xét xử nhận định:

Theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình thì quan hệ vợ chồng phải dựa trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ; vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm, yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau để cùng nhau xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng chị T và anh A phát sinh bất đồng, mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã làm tình cảm rạn nứt; chị T đã dọn ra ngoài ở riêng từ tháng 8 năm 2017, vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh A; phía anh A có ý kiến bằng văn bản không đồng ý ly hôn với chị T, nhưng qua nhiều lần tự hàn gắn vợ chồng anh chị vẫn không thể đoàn tụ chung sống. Qua xem xét, đánh giá Hội đồng xét xử nhận định quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; hôn nhân không có khả năng đoàn tụ; do đó sau khi

ngợi án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Kim T, xử cho chị T được ly hôn với anh A.

[5] Xét yêu cầu của chị T và ý kiến của anh A về việc nuôi con chung là Trần Ngọc T, sinh ngày 15/02/2006 và Trần Ngọc Y, sinh ngày 04/9/2011, Hội đồng xét xử nhận định: Cháu T và cháu Y hiện nay đang sống cùng và do anh A trực tiếp chăm sóc, giáo dục; do đó anh A yêu cầu được quyền nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, chị T cũng thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết giao hai con cho anh A tiếp tục nuôi dưỡng.

Xét thấy, yêu cầu của chị T và anh A về việc nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện, đúng theo nguyện vọng của cháu T và phù hợp quy định pháp; do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu T và cháu Y, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu T và cháu Y cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh A không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Các bên có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh A thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Kim T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Kim T và anh Trần Thanh A.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Trần Ngọc T, sinh ngày 15/02/2006 và Trần Ngọc Y, sinh ngày 04/9/2011 cho anh Trần Thanh A trực tiếp

nuôi dưỡng. Anh A không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết.

Các bên có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Kim T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị T đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0001684 ngày 18/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/5/2018). Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Cơ quan đã thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Kim Yến